

Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 4 - 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Ấp LC, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 16, ấp CD, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh S do gia đình hai bên mai mối và sau một thời gian tìm hiểu nên tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT vào ngày 15/3/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, chỉ được vài tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không cùng quan điểm

sống, từ đó vợ chồng thường xảy ra tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình; chị D và anh S đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, không thể hàn gắn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai ngày 16/3/2022, anh Nguyễn Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh S và chị D do gia đình hai bên mai mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT vào ngày 15/3/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; tuy nhiên, chỉ được vài tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh S đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Chị D và anh S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, trong đó chị D và anh S giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn; thống nhất không có con chung; không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự về việc ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Chị D và anh S tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 15/3/2018, nên hôn nhân giữa chị D và anh S được pháp luật công nhận kể từ ngày đăng ký kết hôn; làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị D và anh S có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến

nay. Tòa án có tiến hành hòa giải để ghi nhận ý kiến, tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh S vắng mặt; cả chị D và anh S đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn và có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải; cho đến nay vợ chồng vẫn không thể tự hàn gắn tình cảm.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có nghĩa vụ sống chung với nhau. Tuy nhiên, giữa chị D và anh S đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D ly hôn với anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị D và anh S không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh S thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét; trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp. Anh S không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị D ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chi D đã nộp theo biên lai thu số 0003540 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - TAND tỉnh An Giang;
 - VKSND huyện Châu Phú;
 - CCTHADS huyện Châu Phú;
 - UBND xã TMT
- (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Tuấn Trương Thị Thu Thủy

Nguyễn Duy Linh

